

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2010/QĐ-UBND

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về phối hợp giải quyết
công việc giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16/11/2005 của Chính phủ Quy định về công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy Định phối hợp giải quyết công việc giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Giao Giám đốc Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo kết quả cho UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thiện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Phối hợp giải quyết công việc giữa các sở, ban, ngành
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND
ngày 28/6/2010 của UBND tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng: Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Phạm vi: Phối hợp giải quyết các công việc thuộc các lĩnh vực kinh tế văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2. Đảm bảo kỷ cương, kỷ luật, tuân thủ đúng nội dung, phương thức và thời gian phối hợp.
3. Thực hiện nguyên tắc đồng thuận giữa các sở, ban, ngành với nhau trong giải quyết công việc. Những vấn đề không đạt được sự đồng thuận, có nhiều ý kiến khác nhau giữa các sở, ngành thì cơ quan chủ trì tổng hợp ý kiến, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch UBND tỉnh xem xét giải quyết; đồng thời đề xuất phương án giải quyết của cơ quan mình.
4. Việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp sẽ được giao cho sở, ban, ngành có chức năng nhiệm vụ, quyền hạn liên quan nhiều nhất đến lĩnh vực hoặc nhiệm vụ cần phối hợp hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo trực tiếp.
5. Ý kiến của cán bộ, công chức do cơ quan phối hợp cử tham gia được xem là ý

kiến của Thủ trưởng cơ quan đó. Trường hợp phối hợp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, nếu quá thời hạn quy định, tham gia ý kiến mà đơn vị phối hợp không có ý kiến trả lời thì được xem là đồng thuận với ý kiến của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm liên đới với cơ quan chủ trì.

Chương II

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

2. Xây dựng, tổ chức thực hiện đề án, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn.

3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý các vấn đề liên quan đến nhiều ngành theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm định dự án.

5. Dự thảo các văn bản trình UBND tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi, bãi bỏ hoặc ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo ổn định chính trị, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh; hoặc đề UBND tỉnh đề xuất Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương bổ sung, sửa đổi, bãi bỏ hoặc ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực quản lý ngành.

6. Phối hợp giải quyết các vấn đề khác liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành hoặc chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

Điều 4. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung và điều kiện cụ thể của công việc, cơ quan chủ trì quyết định việc áp dụng các phương thức phối hợp sau đây:

1. Lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo.

3. Khảo sát, điều tra

4. Lập tổ chức phối hợp liên cơ quan (Ban Chỉ đạo, Tổ công tác) để triển khai thực hiện nội dung công việc.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan chủ trì

1. Lập kế hoạch thực hiện công việc, chọn phương thức phối hợp và tổ chức phối hợp theo kế hoạch.

2. Yêu cầu cơ quan phối hợp: Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia phối hợp; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và các điều kiện khác bảo đảm cho công tác phối hợp theo đề nghị của cơ quan chủ trì.

3. Tập hợp đầy đủ các ý kiến tham gia của các cơ quan phối hợp; tiến hành giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền cho phép. Đồng thời thông báo cho cơ quan phối hợp biết kết quả giải quyết công việc, trừ trường hợp thông tin mật và các thông tin chưa được công bố theo quy định của pháp luật và quy định của UBND tỉnh.

4. Lập dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện việc chi phục vụ cho công tác phối hợp theo quy định của Nhà nước và theo hướng dẫn quy định tại Điều 8 của Quy định này.

5. Đối với các văn bản trình cấp trên ký ban hành hoặc phê duyệt thì Thủ trưởng cơ quan chủ trì phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình ký. Hồ sơ phải được tập hợp đầy đủ ý kiến của các cơ quan phối hợp (kể cả ý kiến khác với ý kiến của cơ quan chủ trì).

6. Thủ trưởng cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả nhiệm vụ được giao. Đồng thời, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh những cơ quan phối hợp không hoàn thành nhiệm vụ phối hợp theo yêu cầu (có danh sách cụ thể).

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của các sở, ban, ngành tham gia phối hợp

1. Tham gia các hoạt động phối hợp theo đề nghị của cơ quan chủ trì. Được quyền từ chối hoạt động phối hợp nếu nội dung phối hợp không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

2. Có ý kiến kịp thời về vấn đề tham gia phối hợp cũng như cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia phối hợp và chịu trách nhiệm về ý kiến mà cán bộ, công chức của cơ quan mình đã tham gia trong quá trình phối hợp.

3. Tuân thủ thời hạn góp ý kiến theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cung cấp thông tin, số liệu và chịu trách nhiệm về sự chính xác của thông tin, số liệu đó.

4. Đề nghị cơ quan chủ trì điều chỉnh thời gian, phối hợp để bảo đảm chất lượng công tác phối hợp; nếu cơ quan chủ trì không chấp thuận vì lý do bảo đảm tiến độ thì phải tuân thủ.

5. Được thông báo kết quả giải quyết công việc tham gia phối hợp từ cơ quan chủ trì.

6. Thủ trưởng cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về hoạt động phối hợp của cơ quan mình.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia phối hợp

1. Thực hiện các nhiệm vụ được phân công; chấp hành kế hoạch công tác phối hợp của cơ quan chủ trì.

2. Tuân thủ thời gian phối hợp do cơ quan chủ trì quy định. Trường hợp đột xuất không thể tiếp tục tham gia phối hợp thì báo cáo với thủ trưởng cơ quan, đơn vị mình để bố trí người thay thế; đồng thời báo cáo với cơ quan chủ trì được biết.

3. Thường xuyên báo cáo thủ trưởng cơ quan về công tác phối hợp của mình; chủ động đề xuất ý kiến tham gia, xin ý kiến thủ trưởng cơ quan khi cần thiết; tuân thủ sự chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan chủ quản để phát biểu ý kiến về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

4. Được bảo lưu quan điểm, ý kiến khi tham gia; được chi trả phần thù lao lao động do cơ quan chủ trì chi theo quy định trong quá trình tham gia phối hợp.

5. Được khen thưởng khi hoàn thành tốt nhiệm vụ phối hợp; chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan mình khi không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 8. Về kinh phí

1. Kinh phí phối hợp xây dựng đề án, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được tính vào dự toán kinh phí xây dựng đề án, quy hoạch, kế hoạch của cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

2. Kinh phí tổ chức thanh tra, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, căn cứ kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm được duyệt, cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì lập dự toán kinh phí để thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch.

3. Việc phối hợp để giải quyết các công việc chuyên môn khác của cơ quan nào thì trích từ kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan đó.

4. Trường hợp thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND tỉnh giao, sẽ có kinh phí chi kèm theo.

5. Giao Sở Tài chính hướng dẫn việc thực hiện các khoản chi cho công tác phối hợp để các sở, ban, ngành triển khai thực hiện. Thời gian hoàn thành việc hướng dẫn sau 30 ngày kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Về thời gian thực hiện phối hợp

1. Thời gian cơ quan chủ trì gửi văn bản đến các sở, ban, ngành liên quan để lấy ý kiến, chậm nhất là trước 05 ngày làm việc, cơ quan phối hợp phải nhận được văn bản (trừ các loại công việc có quy định riêng về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị góp ý của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản ý kiến của đơn vị mình. Nếu quá thời hạn mà không có ý kiến trả lời được hiểu là đồng thuận với đề xuất của cơ quan chủ trì.

3. Khi trình UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với các công việc thuộc thẩm quyền, cơ quan trình ký có trách nhiệm gửi đầy đủ hồ sơ cho Văn phòng UBND tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm viết giấy biên nhận cho cơ quan trình ký, nếu hồ sơ trình ký đã đầy đủ theo quy định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ của cơ quan trình văn bản, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm trình UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức, viên chức của ngành thực hiện nghiêm túc Quy định này.

Định kỳ hàng năm, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Quy định phối hợp, đề ra biện pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Quy định.

Tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác phối hợp, hoàn thành tốt nhiệm vụ

được giao thì được xem xét khen thưởng tập thể, cá nhân nào vi phạm quy chế, tùy theo mức độ nặng, nhẹ sẽ xử lý kỷ luật theo quy định của Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các sở, ban, ngành phản ánh bằng văn bản về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp trình UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện hoặc xem xét sửa đổi bổ sung Quy định cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thiện